TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2019/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 01 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tố U, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Tố U và anh Bùi Văn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Phạm Thị Tố U và anh Bùi Văn Th thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Thị Tố U và anh Bùi Văn Th có 02 con chung là Bùi Văn Tiến Đ, sinh ngày 8/4/2012 và Bùi Văn Tiến H, sinh ngày 9/01/2017. Ly hôn, chị U và anh Th thỏa thuận thống nhất giao cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung là Bùi Văn Tiến Đ, sinh ngày 8/4/2012 và Bùi Văn Tiến H, sinh ngày 9/01/2017 đến khi

thành niên. Anh Th tự nguyện không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con chung. Chị U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Chị Phạm Thị Tố U và anh Bùi Văn Th thỏa thuận thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị Phạm Thị Tố U tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị U đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003459 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chị Phạm Thị Tố U được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thị Tố Nga